

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Tài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thùy và bà Hoàng Thị Hiền

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2020/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST – HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị C, sinh năm 1974 – *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh N.

Bị đơn: Anh H, sinh năm 1973 – *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 - 02 - 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án chị C trình bày: Về quan hệ hôn nhân: chị C và anh H sống chung với nhau từ năm 1992 là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới tại nhà thờ Nhân Cơ, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong thời gian sống chung chị C và anh H sống với nhau hạnh phúc được một thời gian dài, từ năm 2006 đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm lối sống, không tôn trọng lẫn nhau, chị và anh H đã sống ly thân với nhau từ năm 2006 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết là không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị C với anh H sinh được 04 con chung là P, sinh ngày 18-12-1994, V, sinh ngày 07-6-1997, N, sinh ngày 13-3-

1999 và D, sinh ngày 13-3-2001. Hiện các con đã đủ tuổi trưởng thành và không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án an H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: anh H chung sống với chị C như vợ chồng từ năm 1992 tới nay là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới tại nhà thờ Nhân Cơ, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong thời gian sống chung anh H và chị C sống với nhau hạnh phúc được một thời gian dài, từ năm 2006 đến nay vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần xung đột, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, anh H với chị C đã sống ly thân nhau từ năm 2006 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể kéo dài được nữa, nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết là không công nhận vợ chồng giữa anh H với chị C thì anh H đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh H với chị C sinh được 04 con chung là P, sinh ngày 18-12-1994, V, sinh ngày 07-6-1997, N, sinh ngày 13-3-1999 và D, sinh ngày 13-3-2001. Hiện các con đã đủ tuổi trưởng thành và không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết

Về các khoản nợ chung, nợ riêng: Không có.

- *Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:* Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: chị C và anh H sống chung với nhau từ năm 1992 là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới tại nhà thờ Nhân Cơ, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong thời gian sống chung chị C và anh H sống với nhau hạnh phúc được một thời gian dài, từ năm 2006 đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm lối sống, không tôn trọng lẫn nhau, chị và anh H đã sống ly thân với nhau từ năm 2006 cho đến nay. Về con chung chị C với anh H sinh được 04 người con chung gồm: P, sinh ngày 18-12-1994, V, sinh ngày 07-6-1997, N, sinh ngày 13-3-1999 và D, sinh ngày 13-3-2001.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C và anh H; về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh H; về con chung: Hiện các con đều đã đủ tuổi trưởng thành và không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Do đó không xem xét giải quyết; về tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không đề cập. 3

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án chị C và anh H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị C và anh H thừa nhận cả hai tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống chị C và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm lối sống, không tôn trọng lẫn nhau, chị và anh H đã sống ly thân với nhau từ năm 2006 cho đến nay, các bên đều xác định không còn tình cảm và có nguyện vọng được ly hôn nên chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị C với anh H là vợ chồng.

[3]. Xét yêu cầu của chị C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù sống với nhau kể từ năm 1992 cho đến nay, chị C và anh H có đủ điều kiện đi đăng ký kết hôn nhưng anh, chị vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định, cụ thể:

Tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của luật này đều không có giá trị pháp lý. Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”*.

Tại điểm b mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày 01/01/2002 đến ngày 01/01/2003, trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này”*.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị C về tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C với anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4]. *Về con chung*: Các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. 4

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: chị C với anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Chị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C đối với anh H.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C với anh H.

- Về con chung: Các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: chị C và anh H đều không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Chị C phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp theo biên lai số 0000135 ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh N.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'lấp;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đoàn Công Tài